

VP UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM HỘI NGHỊ VÀ
TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Số: 210 /TM-TTHN&TCSK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2021

THƯ MỜI

**Về việc chào giá cạnh tranh thực hiện
một số nhiệm vụ năm 2021 tại Trung tâm Hội nghị
và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Văn bản số 9280/UBND-KTNS ngày 05 tháng 8 năm 2021; Văn bản số 11536/UBND-KTNS ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương thực hiện một số nhiệm vụ tại Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai - năm 2021.

Để kịp thời thông tin đến các công ty, đơn vị có đủ các điều kiện về pháp nhân, chức năng và năng lực thực hiện các nội dung trên; Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện thông báo, kính mời các công ty, đơn vị kiểm tra, khảo sát thực tế khối lượng công việc và tham gia Chào giá cạnh tranh thực hiện từng nội dung công việc (*nội dung công việc & đơn giá thực hiện theo Phụ lục đính kèm*).

1. Thời gian và địa điểm nộp báo giá:

+ Từ ngày thông báo đến hết ngày 30 tháng 10 năm 2021 (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện hoặc nộp tại buổi mở chào giá công khai*).

+ Địa điểm nộp báo giá: Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai (*Số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

2. Thời gian mở chào giá công khai: vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 01 tháng 11 năm 2021 (*địa điểm: Tại Phòng họp 01, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai; số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

Kính mời đại diện các công ty, đơn vị tham gia chào giá đến tham dự buổi Lễ xét chọn giá để thực hiện từng nội dung công việc.

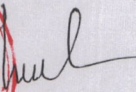
Trân trọng kính mời./. 

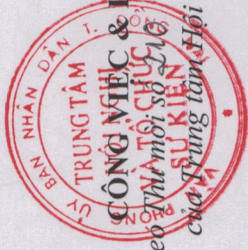
Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tin);
- Báo Điện tử Đồng Nai (đăng tin);
- Trang Webside của trung tâm (đăng tin);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTV, HCQT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Ngô Đức Tùng



PHỤ LỤC

CÔNG VIỆC & DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo **Phiên bản số 2/10** /TM.TTHN&TCSK ngày 20 tháng 10 năm 2021
của **Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai**)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Công việc: May bao trùm ghế, bàn ghế chống bụi (đã bao gồm thuế VAT 10%)				49.344.000
1	Bao phủ băng 6 ghế, Kích thước: 3,6m x 2,8m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	34	684.000	23.256.000
2	Bao phủ băng 4 ghế, Kích thước: 2,4m x 2,8m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	38	456.000	17.328.000
3	Bao phủ băng 5 ghế, Kích thước: 3m x 2,8m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	6	570.000	3.420.000
4	Bao phủ băng 7 ghế, Kích thước: 4,2m x 2,8m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	2	798.000	1.596.000
5	Bao phủ băng 6 ghế, Kích thước: 3,6m x 2,3m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	4	562.000	2.248.000
6	Bao phủ băng 4 ghế, Kích thước: 2,4m x 2,3m chất liệu: Vải PO.1256-5, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	4	374.000	1.496.000
II	Công việc: Nạo vét hệ thống thoát nước và duy tu bảo dưỡng định kỳ				64.542.500
1	Vét đáy hố ga; kích thước: 1,1x1,2x1,0 (m)	cái	60	65.000	3.900.000
2	Cạy tấm đan + vét đáy mương hở ngoài công viên; kích thước 0,4x 0,5 x 05 (m) dày 15cm	m	352	50.000	17.600.000
3	Cạy tấm đan + vét đáy mương hở phía bảo tàng; kích thước 0,4x 0,5 x 05 (m) dày 15cm	m	95	50.000	4.750.000
4	Thay thế một số tấm đan bị vỡ; kích thước 0,5x0,5x0,1 (m)	tấm	20	450.000	9.000.000
5	Vệ sinh và sơn dầu nắp đan sắt hai bên hông hội trường; kích thước 0,5x0,6 (m)	tấm	40	150.000	6.000.000
6	Cạy tấm đan + vét đáy mương hở hai bên hông hội trường; kích thước 0,4x0,5x05 (m), dày 15cm	m	150	50.000	7.500.000
7	Trám trét một số thành mương bị bong tróc; kích thước 0,5x70 (m)	m2	35	155.000	5.425.000
8	Vận chuyển cặn rác và vận chuyển rác của các trang thiết bị thanh lý đi bỏ bằng xe ben 5m3 cự ly trên 7km	chuyến	6	750.000	4.500.000
Cộng					58.675.000
Thuế VAT 10%					5.867.500
Tổng cộng					64.542.500

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
III	Sửa chữa hàng rào di động để bảo vệ cỏ, hoa công viên, Sửa chữa thay thế ghế ngồi ngoài công viên (A+B)				70.867.500
A	Sửa chữa hàng rào di động để bảo vệ cỏ, hoa công viên				39.792.500
1	Kiểm tra sửa chữa hàng rào bằng inox (kích thước: 2,5m x 1m). Thay thế bốn bánh xe quay 360 độ, hàn gia cố lại các mối hàn. Thay thanh inox bị cong gãy, inox 301 (kích thước: 15x15mm) dày 1,5li (01 thanh dài 1m). Thay chốt móc hàng rào loại gai vận bằng bulon, chất liệu bằng sắt mạ kẽm (số lượng: 02 cái).	Cái	86,00	350.000	30.100.000
2	Kiểm tra sửa chữa hàng rào bằng sắt (kích thước: 4,5m x 1,5m). Thay thế bốn bánh xe quay 360 độ, hàn gia cố lại các mối hàn, thay thanh sắt bị cong gãy (một thanh sắt V4, dày 1,2 li, dài 1,5m), phun sơn chống rỉ các mối hàn (sơn Taiyang Việt Nam, 0,4kg/ 01 cái hàng rào) .	Cái	15,00	405.000	6.075.000
Cộng					36.175.000
Thuế VAT 10%					3.617.500
Tổng cộng					39.792.500
B	Sửa chữa thay thế ghế ngồi ngoài công viên				31.075.000
1	Kiểm tra sửa chữa ghế ngồi công viên, khung sắt, bê tông và tựa lưng bằng nhôm gia cố kích thước: 1,5m x 1m. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn lại toàn bộ khung ghế (0,75 kg sơn Taiyang Việt Nam). Thay mới một số thanh nhôm hộp gia cố bị hư ở bộ ngồi và tựa lưng, kích thước: 25x76mm, dày 1 li (số lượng: 2 thanh, dài 1,5m/thanh). Thay đinh ri-vê một số thanh nhôm, gắn cố định ghế ngồi dưới nền).	Cái	50,00	565.000	28.250.000
Cộng					28.250.000
Thuế VAT 10%					2.825.000
Tổng cộng					31.075.000
IV	- Sửa chữa, bảo trì và thay thế một số thiết bị hệ thống giếng khoan ngoài công viên, Ống nước tưới cây, thăm cỏ công viên (A + B)				61.008.200
A	Công việc: Sửa chữa, bảo trì và thay thế một số thiết bị hệ thống giếng khoan ngoài công viên				26.028.200
1	Sửa chữa giếng khoan (mở rộng đường kính giếng từ phi 49 mm thành phi 114 mm, khoan sâu xuống khoảng 10m, ống nhựa Bình Minh dày 3,8mm), lắp đặt mới máy bơm hóa tiêu IHP (model: mini rocket II4r2-1).	trộn gói	1	12.850.000	12.850.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Vệ sinh giếng khoan, hút đất cát, thay lại Super, thay 20m ống nhựa Bình Minh đường kính phi 34 (34mm)	Cái	1	2.224.000	2.224.000
3	Bảo dưỡng máy bơm hỏa tiễn 01hp (thay bạc đạn, thay phốt, thay tụ đề, kiểm tra cánh quạt đẩy nước, kiểm tra đầu bơm điện...)	Cái	4	750.000	3.000.000
4	Bảo dưỡng máy bơm hỏa tiễn 2,5 hp (thay bạc đạn, thay phốt, thay tụ đề, kiểm tra cánh quạt đẩy nước, kiểm tra đầu bơm điện...)	Cái	2	750.000	1.500.000
5	Đường dây điện Cadivi CVV 3x1.5mm2 (30m/giếng), CB điều khiển của toàn bộ giếng (01 cái CB 20A JS/ 01 giếng)	giếng	7	584.000	4.088.000
Cộng					23.662.000
Thuế VAT 10%					2.366.200
Tổng cộng					26.028.200
B	Công việc: Sửa chữa, cung cấp ống nước tưới cây, thăm có công viên				34.980.000
1	Ổng nước nhựa mềm phi 25 dùng để tưới cây, thăm có công viên (nhà sản xuất Tiến Trường, loại 14Kg/cuộn 50m)	Cuộn	18	750.000	13.500.000
2	Thay thế các phun nước bị hư hỏng, gãy bằng béc phun nước Pop Up Rain Bird 1804 Van 12	cái	70	215.000	15.050.000
3	Nối, co, keo ... vật tư phụ	gói	1	3.250.000	3.250.000
Cộng					31.800.000
Thuế VAT 10%					3.180.000
Tổng cộng					34.980.000
V	Công việc: Sửa chữa, cải tạo, thay thế mới hệ thống wifi Trung Tâm				59.180.000
1	Thiết bị Switch TP-Link TL-SG1016D 16 port gigabit (thông số kỹ thuật Switch 16 cổng 1 BG cổng RJ45 10/100/1000 BASE-TX + 2 cổng 10/100/1000BASE-T. Hiệu suất tiết kiệm điện năng: Các thiết bị switch theo dõi tình trạng liên kết của mỗi cổng sẽ giám diện năng tiêu thụ. chia lan cho 3 phòng)	Cái	3	1.900.000	5.700.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Thiết bị cáp cat6 4 utp, 23awg, cm (305m/Thùng) AMP (thông số kỹ thuật cáp chống nhiễu cat 6; Cáp mạng AMP Category 6 UTP, CM, 4-Pair, 600 Mhz, Blue (màu xanh dương), 305 mét/thùng; Cáp xoắn đôi Cat 6 AMP NETCONNECT thỏa và vượt các yêu cầu hiệu suất chuẩn Category 6 theo TIA/EIA-568-B và ISO/IEC 11801 Class E. Chúng thỏa mãn tất cả các yêu cầu hiệu suất cho những ứng dụng hiện tại và tương lai chẳng hạn như : Gigabit Ethernet (1000BASE-TX), 10/100BASE-TX, token ring, 155 Mbps ATM, 100 Mbps TP-PMD, ISDN, video dạng digital hay analog, digital voice (VoIP); Hỗ trợ chuẩn Gigabit Ethernet; Thỏa tất cả các yêu cầu của Gigabit Ethernet(IEEE 802.3ab); Thẩm tra độc lập bởi ETL SEMKO; Bảng thông hỗ trợ lên tới 600 MHz; Hiệu suất 3dB NEXT trên chuẩn Cat 6; Dây dẫn bằng đồng dạng cứng – solid, đường kính lõi 23 AWG; Vỏ bọc cách điện: Polyethylene, 0.0097in; Vỏ bọc: 0.025in, PVC.	Mét	500	15.000	7.500.000
3	Thiết bị cân tải MIKROTIK 4011 (thông số kỹ thuật thiết bị mạng Mikrotik RB4011iGS+RM, 1 cổng SFP, 10 cổng mạng Gigabit (WAN/LAN), Dùng cho 450 người dùng đồng thời. 4 CPU 1.4G, Ram 1G, NAND 512MB	Cái	1	7.200.000	7.200.000
4	Thiết bị Switch TP- Link TL - SG1008 8 port Gigabit (thông số kỹ thuật Switch 8 cổng 1 BG; cổng RJ45 10/100/1000 BASE-TX + 2 cổng 10/100/1000BASE-T; Hiệu suất tiết kiệm điện năng: Các thiết bị switch theo dõi tình trạng liên kết của mỗi cổng sẽ giảm điện năng tiêu thụ; chia lan cho 3 phòng	Cái	3	1.200.000	3.600.000
5	Thiết bị RUSKUS R500 (thông số kỹ thuật Phát wifi 2 băng tần 2.4 GHz và 5 GHz; Tốc độ truy cập 900 MBPS; Khả năng chịu tải 255 users	Cái	3	2.600.000	7.800.000
6	Thiết bị RUSKUS R700 (thông số kỹ thuật phát wifi 2 băng tần 2.4 GHz và 5 GHz; Tốc độ truy cập 900 MBPS; Khả năng chịu tải 255 users	Cái	2	3.300.000	6.600.000
7	Thiết bị RUSKUS ZD 1100901 - 1106 (6 AP) (thông số kỹ thuật Thiết bị quản lý Wifi của Ruckus; Chuyên quản lý Wifi Ruckus thành 1 mạng Wifi chuyên biệt; Ngoài ra còn nhiều tính năng như Wifi marketing, Mesh, Phân tích người dùng	Cái	1	3.900.000	3.900.000
8	Ổng ruột gà Sino D25 SP9025CM (bảo vệ dây mạng; mã hiệu: SP9025CM; hãng sản xuất SINO; cuộn 40 mét	Mét	500	7.000	3.500.000
9	Dây điện (dây điện CADIVI 1.0; dây đôi VCmd Cadivi (Cuộn 100m); dây đôi 2 x 32 (VCmd2x1.0)).	Mét	400	10.000	4.000.000
10	Nhân công (nhân công thi công lắp đặt, kéo dây điện, dây cáp,....	HT	1	2.000.000	2.000.000
11	Vật tư phụ (băng keo, dây rút, ổ điện, hộp điện, ốc vít,....	HT	1	2.000.000	2.000.000
	Cộng				53.800.000
	VAT 10%				5.380.000
	Tổng Cộng				59.180.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
VI	Công việc: Sửa chữa, bảo trì, thay thế linh kiện, thiết bị hệ thống máy lạnh trung tâm hội trường và tại các phòng làm việc				60.703.500
A	Công việc: Bảo trì máy lạnh từng phòng				5.850.000
1	Vệ sinh máy lạnh treo tường 2.5HP + châm gas * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung + Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	9	250.000	2.250.000
2	Vệ sinh máy lạnh treo tường 1.5HP + châm gas * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung + Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	4	250.000	1.000.000
3	Vệ sinh máy lạnh áp trần 4HP + châm gas * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung + Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	2	400.000	800.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Vệ sinh máy lạnh áp trần 5HP + châm gas * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung +Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	2	400.000	800.000
5	Quản simili cách nhiệt đường ống gas máy lạnh (45 mét) Xuất xứ: Việt Nam	TB	1	1.000.000	1.000.000
B	Công việc: Bảo trì hệ thống máy lạnh trung tâm hội trường				42.090.000
1	Vệ sinh máy lạnh tủ đứng 5HP + châm gas * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung +Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	4	400.000	1.600.000
2	Vệ sinh máy lạnh tủ đứng 12HP * Nội dung bảo trì : - Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước khi tiến hành bảo trì (Nếu có hư hỏng báo ngay với chủ đầu tư) - Dùng áp lực nước làm sạch dàn lạnh, dàn nóng, motor quạt của máy lạnh - Dùng bơm áp lực thông ống nước xả, loại trừ hết cặn bã bám lưu trên đường ống. - Sau khi vệ sinh tiến hành : + Khởi động lại máy. Kiểm tra lại tổng thể mọi sự hoạt động của máy. Nạp gas bổ sung +Máy hoạt động tốt. Ghi phiếu xác nhận hoàn thành công việc bàn giao cho đơn vị sử dụng	Bộ	4	650.000	2.600.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Bảo trì hệ thống điều khiển máy lạnh trung tâm <u>* Bảo trì tháp giải nhiệt (Cooling Tower):</u> - Kiểm tra hoạt động của cánh quạt, mô tơ, dây đai, trục ria phân phối nước. - Định kỳ vệ sinh lưới nhựa tản nước - Xả cặn bẩn ở đáy tháp, vệ sinh, thay nước mới. - Kiểm tra dòng hoạt động của mô tơ bơm, quạt, tình trạng làm việc của van phao. Bảo dưỡng bơm quạt giải nhiệt. <u>* Bảo trì dàn lạnh bay hơi:</u> + Tháo lưới lọc bụi từ miệng gió hồi hoặc ở phía sau dàn lạnh. + Dùng máy bơm áp lực xịt rửa dàn lạnh, thông ống thoát nước. + Kiểm tra hoạt động của quạt, cân chỉnh lại dây coroa + Tháo và vệ sinh lưới lọc của van + Lau chùi các miệng gió, hồi bằng khăn sạch. + Sau đó lắp ráp lại những phần đã tháo dỡ. Hoàn tất việc bảo trì.	Hệ	2	1.300.000	2.600.000
4	Xúc hóa chất bình ngưng tháp giải nhiệt Hóa chất KLEN 899 , dung tích 5L/ bình: 4 bình Nhân công thực hiện: 3 người, làm trong 2 ngày	Cái	2	3.000.000	6.000.000
5	Thay phao tháp giải nhiệt Phao cơ Bách Khoa tự ngắt TP559 Xuất xứ: Việt Nam	Cái	2	250.000	500.000
6	Thay đồng hồ áp nước Wise - P254 Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	4	650.000	2.600.000
7	Xử lý rò rỉ gas + sạc gas máy lạnh trung tâm - Xử lý hàn lại vị trí rò rỉ gas - Hút chân không - Nạp gas lại cho hệ thống (1 bình gas R22 Ấn Độ 22.7kg)	Hệ	1	3.500.000	3.500.000
8	Bọc cách nhiệt đường ống gió máy lạnh trung tâm - Bọc cách nhiệt đường ống thổi 1000mmx1000mm (30 mét) -Bọc cách nhiệt đường ống hồi 1000mmx1000mm (30 mét) Xuất xứ: Việt Nam	TB	1	8.500.000	8.500.000
9	Thay đường ống gió D350 có cách nhiệt Hiệu: Remak Xuất xứ: Việt Nam	Mét	45	150.000	6.750.000
10	Bọc bảo ôn miệng gió thổi 600x600 Xuất xứ : Việt Nam	Cái	12	620.000	7.440.000
C	Thay thế linh kiện tủ điều khiển				7.245.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đèn báo pha Schneider XA2EVQ3LC Xuất xứ : Trung Quốc	Cái	19	65.000	1.235.000
2	Rò le điện tử OMRON -MY2N DC24 Xuất xứ : Nhật Bản	Cái	5	110.000	550.000
3	Công tắc nhấn Schneider màu đỏ Xuất xứ : Trung Quốc	Cái	12	55.000	660.000
4	MCCB Panasonic 100A-380V BBW3100SKY Xuất xứ : Thái Lan	Cái	1	2.200.000	2.200.000
5	MCB Panasonic 32A-380V BBD3323CNV + hộp đựng CB Xuất xứ : Thái Lan	Cái	4	650.000	2.600.000
Cộng (A + B + C)					55.185.000
Thuế VAT 10%					5.518.500
Tổng cộng					60.703.500
VII	Công việc: Sửa chữa, thay thế gạch các lối đi công viên, đá, nhân công				65.699.700
1	Thay mới các viên đá granite bậc cấp, đá lát điểm bị bể, đá Granite màu đen Ấn Độ, dày 2cm	m2	18,65	1.350.000	25.177.500
2	Sửa chữa, thay thế lại nền gạch Tezero vỉa hè bị vỡ kích thước 400x400, màu xám	m2	21,45	160.000	3.432.000
3	Tháo dỡ gạch 400x400 ốp các viên bồn cây công viên, gạch màu vàng	m2	18,5	75.000	1.387.500
4	Ốp mới gạch 400x400 ốp các viên bồn cây công viên, Gạch Taixera màu vàng theo hiện hữu	m2	18,5	160.000	2.960.000
5	Đục, xử lý (neo sắt để cố kết chống nứt, đóng lưới mắt cáo, tô trát) các đường nứt cửa bồn hoa lớn, Vết nứt hở mép 2cm, chiều dài 1.2m	vết nứt	8	550.000	4.400.000
6	Sơn trắng lại toàn bộ bồn hoa Sơn Dulux ngoài trời (sơn 1 lớp lót + 2 lớp phủ, sơn màu trắng ngoài trời)	m2	422,4	50.000	21.120.000
7	Vệ sinh dọn dẹp và chở xà bàn (gạch vỡ, đá vỡ) đi đổ (xe ba gác: 03 chuyến nhân công: người thu gom quét dọn 1 ngày)	Trọn gói	1	1.250.000	1.250.000
Cộng					59.727.000
Thuế VAT 10%					5.972.700
Tổng giá trị					65.699.700
VIII	Công việc: Thay thế bóng đèn điện, sửa chữa định kì hệ thống điện trong và ngoài hội trường; sửa chữa, bảo trì, thay mới hệ thống đèn điện nghệ thuật trước tiền sảnh hội trường.				55.297.000
A	Thay thế bóng đèn điện, sửa chữa định kì trong và ngoài hội trường.				23.650.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tủ điện	Tủ	5	1.500.000	7.500.000
1.1	Kiểm tra tủ điện cấp nguồn (an toàn điện, thông số đo lường nếu có thông số nào bất thường thì cần tìm nguyên nhân và khắc phục, siết lại ốc vít gia cố, cân pha, vệ sinh bên trong và bên ngoài tủ bằng máy hút bụi chuyên dụng, đo cách điện, dùng foam bịt kín)	Tủ	4		
1.2	Kiểm tra tủ điện điều khiển (an toàn điện, thông số đo lường nếu có thông số nào bất thường thì cần tìm nguyên nhân và khắc phục, siết lại ốc vít gia cố, cân pha, vệ sinh bên trong và bên ngoài tủ bằng máy hút bụi chuyên dụng, đo cách điện, dùng foam bịt kín)	Tủ	1		
1.3	Kiểm tra dòng rò, điện áp	Tủ	5		
1.4	Kiểm tra dòng điện ngõ ra tải tiêu thụ	Tủ	5		
1.5	Kiểm tra nhiệt độ thiết bị đóng cắt	Tủ	5		
1.6	Kiểm tra tải trên từng đường dây dẫn khi mang tải, đúng với yêu cầu về tải trên từng đường dây, các mạch đầu nối, busbar, đầu cos... Thay thế những đoạn dây kém chất lượng hay những đoạn dây bị đứt.	Tủ	5		
1.7	Kiểm tra thiết bị đóng cắt, thiết bị bảo vệ dòng điện, ngăn mạch, relay, khởi động từ (nhãn hiệu LS)	Tủ	5		
2	Kiểm tra các đèn chiếu sáng tiền sảnh, trong và ngoài hội trường (nhãn hiệu Rạng Đông)	Bộ	32	100.000	3.200.000
2.1	Kiểm tra ổ cắm, công tắc đèn (nhãn hiệu Sino - Panasonic)	Bộ	15	50.000	750.000
2.2	Kiểm tra, đánh giá, đo cường độ ánh sáng đèn (lux) trong và ngoài hội trường.	HT	1	1.500.000	1.500.000
3	Thay thế vật tư hư hỏng: đèn báo pha, cầu chì,...) (nhãn hiệu Idec)	Bộ	5	800.000	4.000.000
4	Bọc cách nhiệt, thay đầu cos hư hỏng (nhãn hiệu SC)	Tủ	5	500.000	2.500.000
5	Thay MCCB 3P-100A-22kA (nhãn hiệu LS)	Cái	2	1.600.000	3.200.000
6	Thay MCB 1P-32A-4.5kA (nhãn hiệu LS)	Cái	5	200.000	1.000.000
B	Sửa chữa bảo trì, thay mới hệ thống đèn điện nghệ thuật trước sảnh hội trường				19.220.000
1	Thay đèn Led 60W nghệ thuật chiếu sáng tiền sảnh, điều chỉnh độ sáng, ánh sáng vàng, ngoài trời, IP65 (nhãn hiệu FA60ALR/ELEK)	Bộ	2	4.500.000	9.000.000
2	Thay thiết bị đóng cắt điều khiển đèn MCB 2P-20A-4.5kA. (bao gồm đế) (nhãn hiệu A9F74220/Schneider)	Bộ	2	500.000	1.000.000
3	Lắp bổ sung công tắc thiết bị điều khiển đèn (bao gồm đế) (nhãn hiệu SKU/Panasonic)	Bộ	4	240.000	960.000
4	Cung cấp lắp đặt cáp nguồn Vcmt 2x2.5mm2 (nhãn hiệu Cadiivi/VN)	M	120	34.000	4.080.000
5	Cung cấp lắp đặt nẹp 03 phân (nhãn hiệu Tiến Phát/VN)	M	120	24.000	2.880.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Giá đỡ sơn chống sét lắp đèn (nhãn hiệu Việt Nam)	Bộ	2	650.000	1.300.000
C	Chi phí khác				7.400.000
1	Vật tư phụ kiện lắp đặt (băng keo, cos, sắt V, keo AB...)	HT	1	1.800.000	1.800.000
2	Vận chuyển thiết bị, máy thi công	HT	1	1.600.000	1.600.000
3	Giàn giáo, thiết bị đo kiểm tra	HT	1	2.000.000	2.000.000
4	An toàn, vệ sinh, giám sát quản lý quá trình thực hiện	HT	1	2.000.000	2.000.000
Tổng (A + B + C)					50.270.000
VAT 10%					5.027.000
Tổng Cộng					55.297.000
IX	Công việc: Sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng, hệ thống phòng cháy chữa cháy và sửa chữa, bảo dưỡng máy phát điện, dầu chạy máy phát điện để bảo dưỡng định kỳ				72.674.800
A	Sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng, hệ thống phòng cháy chữa cháy				33.330.000
1	Vệ sinh, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống				18.380.000
<i>1.1</i>	Kiểm tra, bảo dưỡng bơm điện (25HP 3 pha) (Nhãn hiệu Pentax)	HT	1	2.500.000	2.500.000
<i>1.2</i>	Kiểm tra, bảo dưỡng bơm diesel (40HP 3 pha) (Nhãn hiệu Huyndai)	HT	1	3.000.000	3.000.000
<i>1.3</i>	Kiểm tra, bảo dưỡng bơm bù áp (5HP) (Nhãn hiệu Pentax)	HT	1	2.000.000	2.000.000
<i>1.4</i>	Kiểm tra, bảo trì tủ điện điều khiển hệ thống (Nhãn hiệu Schneider)	HT	1	500.000	500.000
<i>1.5</i>	Kiểm tra, bảo trì tủ trung tâm báo cháy (Nhãn hiệu Taiwan)	Tủ	1	500.000	500.000
<i>1.6</i>	Kiểm tra, bảo trì các thiết bị báo khói (hành lang và trong phòng) (Nhãn hiệu Taiwan)	Cái	15	100.000	1.500.000
<i>1.7</i>	Kiểm tra, bảo trì các thiết bị báo nhiệt trong phòng (Nhãn hiệu Taiwan)	Cái	15	100.000	1.500.000
<i>1.8</i>	Kiểm tra, bảo trì các nút nhấn khẩn (Nhãn hiệu Taiwan)	Cái	15	70.000	1.050.000
<i>1.9</i>	Kiểm tra, bảo trì các chuông còi báo cháy (Nhãn hiệu Taiwan)	Cái	10	70.000	700.000
<i>1.10</i>	Kiểm tra vệ sinh đèn thoát hiểm Exit (Nhãn hiệu Kentom)	Cái	18	70.000	1.260.000
<i>1.11</i>	Kiểm tra vệ sinh đèn thoát hiểm EM (Nhãn hiệu Kentom)	Cái	18	70.000	1.260.000
<i>1.12</i>	Kiểm tra đồng hồ áp suất (Nhãn hiệu China)	Cái	1	100.000	100.000
<i>1.13</i>	Kiểm tra công tắc áp suất (Nhãn hiệu Taiwan)	Cái	3	70.000	210.000
<i>1.14</i>	Kiểm tra trụ tiếp nước chữa cháy (Nhãn hiệu Việt Nam)	Cái	1	100.000	100.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.15	Kiểm tra hòng chữa cháy ngoài trời (Nhãn hiệu Việt Nam)	Trụ	4	100.000	400.000
1.16	Kiểm tra van, vòi, lăng chữa cháy (Nhãn hiệu Tomoken)	Tù	4	200.000	800.000
1.17	Kiểm tra các valve không chế (Nhãn hiệu Miha)	HT	1	500.000	500.000
1.18	Kiểm tra rò rỉ nước đường ống chữa cháy	HT	1	500.000	500.000
2	Chạy thử, thay thế vật tư vận hành hệ thống				14.950.000
2.1	Vận hành chạy hệ thống bằng tay	HT	1	500.000	500.000
2.2	Vận hành chạy hệ thống tự động	HT	1	500.000	500.000
2.3	Kiểm tra áp lực nước (bar)	HT	1	500.000	500.000
2.4	Thử hệ thống báo cháy	HT	1	500.000	500.000
2.5	Thử liên động chữa cháy và báo cháy	HT	1	1.000.000	1.000.000
2.6	Kiểm tra thay ác quy bom Diezen (Nhãn hiệu GS)	Cái	1	1.500.000	1.500.000
2.7	Kiểm tra thay ác quy tủ báo cháy (Nhãn hiệu GS)	Cái	1	1.000.000	1.000.000
2.8	Kiểm tra cáp động lực kết nối các bom chữa cháy (Nhãn hiệu Cadivi)	Bộ	3	300.000	900.000
2.9	Kiểm tra thay thế tiếp điểm tủ điều khiển chữa cháy (Nhãn hiệu Omron)	Tủ	1	1.200.000	1.200.000
2.10	Thay cầu chì, đèn báo pha tủ điều khiển bom chữa cháy (Nhãn hiệu Schneider/VN)	Bộ	3	350.000	1.050.000
2.11	Kiểm tra bộ sạc ác quy chạy tự động bom Diezen (Nhãn hiệu China)	Bộ	1	300.000	300.000
2.12	Kiểm tra thay thế công tắc chuyển mạch Man/Auto (Nhãn hiệu Idec)	Bộ	4	550.000	2.200.000
2.13	Kiểm tra thay thế nút nhấn ON/OFF (Nhãn hiệu Idec)	Bộ	3	450.000	1.350.000
2.14	Bọc cách nhiệt, thay chụp, đầu cos tủ điều khiển bom chữa cháy (Nhãn hiệu SC)	Tủ	1	1.500.000	1.500.000
2.15	Bom chất form cách điện che kín tủ (Nhãn hiệu Úc)	Tủ	1	950.000	950.000
B	Hệ thống máy phát điện 377 KVA Caterpillar				22.238.000
1	Vệ sinh, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống				12.300.000
1.1	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống làm mát (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.2	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống bôi trơn (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.3	Kiểm tra, bảo trì hệ thống nạp xả khí (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.4	Kiểm tra, bảo dưỡng nước làm mát (Nhãn hiệu Việt Nam)	HT	1	500.000	500.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.5	Kiểm tra nhiên liệu (Nhãn hiệu Việt Nam)	HT	1	500.000	500.000
1.6	Kiểm tra động cơ (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	2.000.000	2.000.000
1.7	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện (AC, DC) (Nhãn hiệu Cadivi/VN)	HT	1	1.500.000	1.500.000
1.8	Thay dây đai (dây curoa) (Nhãn hiệu Anh)	Sợi	1	2.000.000	2.000.000
1.9	Kiểm tra cáp, các tiếp điểm dầu cực ác quy (Nhãn hiệu Cadivi/VN)	Bộ	1	500.000	500.000
1.10	Kiểm tra vệ sinh bộ trao đổi nhiệt (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	Bộ	1	500.000	500.000
1.11	Xả cặn bẩn trong bồn dầu (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.12	Kiểm tra vệ sinh đường ống lọc nhiên liệu (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	Bộ	1	1.000.000	1.000.000
1.13	Kiểm tra áp suất nén buồng đốt (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.14	Kiểm tra khe hở van nạp, xả (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	300.000	300.000
1.15	Kiểm tra lệch xuyên tâm và dọc trục bộ tăng áp (turbocharger) (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	500.000	500.000
1.16	Kiểm tra hàm lượng PH và Nitrit nước làm mát (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	HT	1	300.000	300.000
1.17	Xả nước trong lọc tách (Nhãn hiệu Caterpillar/USA)	Bộ	1	100.000	100.000
1.18	Kiểm tra thông số tải ngõ ra MCCB 3P-100A (Nhãn hiệu Schneider)	Cái	1	100.000	100.000
2	Chạy thử, vận hành hệ thống				9.938.000
2.1	Vận hành chạy hệ thống bằng tay	HT	1	500.000	500.000
2.2	Vận hành chạy hệ thống tự động	HT	1	500.000	500.000
2.3	Chạy thử, không tải đơn động	HT	1	500.000	500.000
2.4	Chạy thử, có tải liên động	HT	1	500.000	500.000
2.5	Kiểm tra bình ác quy, đo điện áp, dòng điện	HT	1	500.000	500.000
2.6	Dầu D.O chạy máy hàng năm (Nhãn hiệu Petro/VN)	Lít	100	16.880	1.688.000
2.7	Thay lọc dầu bôi trơn (Nhãn hiệu Việt Nam)	Cái	1	850.000	850.000
2.8	Thay lọc khí nạp (Nhãn hiệu Việt Nam)	Cái	1	1.500.000	1.500.000
2.9	Thay nước làm mát (Nhãn hiệu Việt Nam)	HT	1	900.000	900.000
2.10	Thay dầu bôi trơn (Nhãn hiệu Việt Nam)	HT	1	2.500.000	2.500.000
C	CHI PHÍ KHÁC				10.500.000
1	Giàn giáo thi công	HT	1	3.500.000	3.500.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Vận chuyển thiết bị, máy móc cần thiết thực hiện công việc	HT	1	2.000.000	2.000.000
3	Chi phí máy móc, thiết bị đo kiểm tra	HT	1	2.000.000	2.000.000
4	An toàn, vệ sinh, giám sát quản lý quá trình thực hiện	HT	1	3.000.000	3.000.000
Cộng (A+B+C)					66.068.000
Thuế VAT 10%					6.606.800
Tổng cộng					72.674.800
X	Công việc: Quét vôi gốc cây, sơn nước gỗ lè, in bảng nội quy và các biển báo, hướng dẫn ngoài công viên				
A	Quét vôi gốc cây, sơn nước gỗ lè				25.052.020
1	Vệ sinh, trám trét gỗ lè hai bên hông hội trường bằng vữa xi măng M75 Kích thước: (NxCxR): 20x20x20cm	m	740	4.000	2.960.000
2	Sơn nước gỗ lè hai bên hông hội trường Sơn Donasa ngoài trời Sơn 1 lớp lót + 2 lớp phủ, sơn màu trắng ngoài trời	m	740	27.273	20.182.020
3	Quét vôi vào gốc thân cây lớn, quét cao 1m	cây	13	50.000	650.000
4	Quét vôi vào gốc thân cây vừa + nhỏ, quét cao 1m	cây	36	35.000	1.260.000
B	In bảng nội quy công viên và các biển báo, hướng dẫn ngoài công viên				9.550.000
1	Bảng nội quy công viên. Kích thước: 122cm x80cm. Chất liệu: khung sắt ốp alu dán decal 2 mặt alu, nẹp V2 trụ phi 60 đỏ bê tông dài 2,25m (đào đất cấp ba nóng kích thước 0,3 x 0,3 x 0,5 (m) x 6 hố; đỏ bê tông đá 1x2 (0,27m3); sắt mạ kẽm phi 60 dày 1ly8 dài 13m. Dọn dẹp, vận chuyển đất dư đi bỏ	Bộ	3	2.350.000	7.050.000
2	Bảng mica cấm bơi lội dưới hồ nước Chất liệu mica 3mm Đài Loan dán decal Kích thước: 55cm x 25cm	Cái	2	250.000	500.000
3	Bảng mica Khu vui chơi thiếu nhi. Chất liệu mica 3mm dán decal Kích thước: 55cm x25cm	Cái	4	250.000	1.000.000
4	Sửa chữa lại 1 bảng nội quy bị nghiêng, cắt sửa gắn lại. Kích thước: 122cm x80cm. Bảng cũ có sẵn bị lún nghiêng. Nhân công cắt, tháo bảng và chân ra, nối ghép thêm sắt, hàn thêm sắt, chỉnh ngay lại, mài hoàn thiện. Sơn lại toàn bộ khung cho mới (Sơn taiyang 2k), kiểm tra khung, gia cố khung bảng, gắn lại hoàn thiện như ban đầu	Trọn gói	1	1.000.000	1.000.000
Cộng (A+B)					34.602.020
Thuế VAT 10%					3.460.202
Tổng cộng					38.062.222

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
XI	Công việc: Sửa chữa, thay thế và bảo trì hệ thống chống sét				
A	Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống chống sét				47.333.000
1	Vệ sinh, kiểm tra hệ thống (06 người x 03 ngày)	Lần	1	13.500.000	16.100.000
1.1	Kiểm tra tình trạng hoạt động của kim thu sét, các kết nối của kim thu sét, có thay đổi bất thường nào không bằng thiết bị chuyên dụng: Đo kiểm tra, khả năng bảo vệ cũng như các thông số kỹ thuật của nhà sản xuất đưa ra hay không.	Hệ	1		13.500.000
1.2	Kiểm tra cáp thoát sét, Kiểm tra các mối nối, mối hàn phải chắc chắn nhằm hạn chế gia tăng điện trở.	Hệ	1		
1.3	Kiểm tra hộp đo điện trở đất, bộ đếm sét (nếu có)	Hệ	1		
1.4	Kiểm tra gia cố trụ đỡ kim thu sét, dây giăng, tăng đỡ... Các bộ phận không bị ăn mòn (rỉ sét) hay rung lắc, kim thu sét phải có độ nhát, góc thoáng.	Hệ	1		
1.5	Kiểm tra hệ thống tiếp địa, Định vị bãi cọc tiếp địa, kiểm tra tính chất đất tại nơi đóng bãi tiếp địa	Hệ	1		
1.6	Ông bảo vệ, dây thoát sét và điện cực còn nguyên vẹn (không bị ăn mòn, rỉ sét hay bị đứt). Những điểm kết nối kim thu sét trên mái, kim thu sét với dây thoát sét, các điểm mối hàn cadweld cần phải được vệ sinh sạch sẽ, bôi mỡ bảo vệ hoặc thay thế nếu không đảm bảo an toàn.	Hệ	1		
2	Đo kiểm tra định kỳ hệ thống chống sét hàng năm bởi đơn vị kiểm định độc lập (Nhãn hiệu Trung Tâm Kiểm Định)	HT	1	2.600.000	2.600.000
B	Thiết bị, vật tư thay mới				19.930.000
1.1	Thay cáp thoát sét đồng trần C50 50mm2 (Nhãn hiệu Tài Trường Thành)	Mét	60	140.000	8.400.000
1.2	Thay trụ đỡ kim thu sét cao 3 mét gồm trụ ống STK D90 dày 3.0mm và chân đế trụ. (Nhãn hiệu Hòa Phát)	Trụ	1	2.000.000	2.000.000
1.3	Thay ốc siết cáp đồng, đầu cos, dây giăng, tăng đỡ, bass (Nhãn hiệu Việt Nam)	Bộ	4	500.000	2.000.000
1.4	Thay ống PVC D25 (bao gồm nối, co, ...) (Nhãn hiệu Sino)	Mét	60	16.000	960.000
1.5	Hàn cadweld bao gồm thuốc hàn (1 mối hàn dùng 1 hộp 115g)	mỗi cây	4	450.000	1.800.000
1.6	Thay cọc tiếp địa (cọc đồng D16 và dài 2,4m) (Nhãn hiệu Việt Nam)		2	160.000	320.000
1.7	Vật tư phụ kiện lắp đặt (ốc vít, cùm ống, đá cắt, que hàn, băng keo, sơn chống rỉ, sơn đồ...) (Nhãn hiệu Việt Nam)	Hệ	1	4.450.000	4.450.000
C	Chi phí khác				7.000.000
2.1	Vận chuyển thiết bị, máy thi công (máy cắt, máy mài, máy khoan, máy bắn vít, máy hàn, máy phát điện, bộ hàn cadweld, dụng cụ ...)	HT	1	1.500.000	1.500.000



Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2.2	Giàn giáo, thiết bị đo kiểm tra (Máy đo điện trở đất, máy kiểm tra tình trạng kim thu sét, máy kiểm tra thiết bị chống sét)	Ht	1	1.000.000	1.000.000
2.3	An toàn, giám sát, quản lý, vệ sinh, thi công (06 người x 01 ngày)	HT	1	4.500.000	4.500.000
Cộng (A+B+C)					
Thuế VAT 10%					
Tổng cộng					
XII	Công việc: Bảo trì, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa, hệ thống trò chơi trẻ em và dụng cụ thể dục thể thao				55.407.000
A	Hệ thống trò chơi trẻ em				14.932.500
1	Bập bênh hai chỗ ngồi: Hàn gắn cố định lò xo nhún vào đế chân bê tông. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và Sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 1kg/1 bộ. Kích thước: 300x50x50cm. Toàn bộ khung bằng sắt, ghế ngồi bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện.	bộ	2	875.000	1.750.000
2	Bập bênh 04 chỗ ngồi: Hàn gắn cố định vào đế chân bê tông. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6206 DDUUCM(Nhật): 2 cái/1 bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 1kg /1 bộ. Kích thước: 300x50x50cm. Toàn bộ khung bằng sắt, ghế ngồi bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện.	bộ	2	1.055.000	2.110.000
3	Thú nhún lò xo: Gia cố và siết lại bu lông, ốc vít, sơn toàn bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 0,5kg/bộ. Kích thước: 80x60x80cm. Toàn bộ khung bằng sắt, thú ngồi bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	437.500	875.000
4	Đu quay mẫu giáo: Thay bạc đạn, siết bu lông, ốc vít, sơn toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6206 DDUUCM (Nhật): 2 cái, NSK 6202 ZZ: 4 cái. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg. Kích thước: 180x180x80cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	1.490.000	1.490.000
5	Thiết bị xích đu: Sơn lại toàn bộ khung xích đu, thay toàn bộ bạc đặc siết bu lông, ốc vít, lắp đặt thêm ghế ngồi xích đu bằng INOC 304. Bạc đạn NSK 6202 ZZ (Nhật):12 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 600x100x210cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	2.210.000	4.420.000
6	Cầu trượt liên hoàn ngoài trời: Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg. Toàn bộ khung bằng sắt, cầu trượt bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	1.850.000	1.850.000
7	Cầu trượt đơn: Siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 0,5kg. Kích thước: 200x65x150cm, Toàn bộ khung bằng sắt, cầu trượt bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	537.500	537.500

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Sơn cột leo lưới và những thiết bị còn lại trong khu vui chơi. Sơn Taiyang 2k (Việt Nam): 4kg. Toàn bộ khung bằng sắt, cầu trượt bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	1.900.000	1.900.000
B	Dụng cụ thể dục thể thao				35.437.500
1	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - Máy tập đa chức năng. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít, bàn đạp. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6204 DDUCM (Nhật): 4 cái. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2,5kg. Kích thước: 180*124*170cm Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện.	bộ	1	1.567.500	1.567.500
2	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - Tập xoay eo W.A.ST. 013. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6206 DDUCM (Nhật): 6 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2 kg/bộ. Kích thước: 123*110*136cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.690.000	3.380.000
3	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - Tập kéo tay WASC 035 Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6202 ZZ (Nhật): 10 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 206*199*186cm. Toàn bộ khung bằng sắt, ghế và tựa lưng bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.550.000	3.100.000
4	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - tập đạp chân WASC 033. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6204 DDUCM (Nhật): 4 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 207*49*166cm. Toàn bộ khung bằng sắt, ghế và tựa lưng bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.430.000	2.860.000
5	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - tập chèo thuyền WASC 029. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6202 ZZ (Nhật): 10 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 257*99*119cm. Toàn bộ khung bằng sắt, ghế và tựa lưng bằng nhựa. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.550.000	3.100.000
6	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thể dục - tập đạp tròn WASC 025. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6206 DDUCM (Nhật): 4 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 214*63*126cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.510.000	3.020.000

Số TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - tập lưng bụng WA.ST. 019. Siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2,5kg/bộ. Kích thước: 188*124*65cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện.	bộ	2	1.287.500	2.575.000
8	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Tập khí công dưỡng sinh WA.ST.022 Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và Sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6204 (Nhật): 8 cái/bộ; NSK 6202 ZZ: 4 cái/bộ Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 1,5kg/bộ. Kích thước: 116*115*154 cm, toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.732.500	3.465.000
9	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Tập lướt sóng WA.ST 013. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và Sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6204 DDUCM (Nhật): 8 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 1,5kg/bộ. Kích thước: 100*85*126cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.572.500	3.145.000
10	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Máy tập xe đạp. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít bàn đạp. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và Sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6206 DDUCM (Nhật): 4 cái. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg. Kích thước: 180*35*120cm Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	1.510.000	1.510.000
11	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Máy tập trượt tuyết WASC 006. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6204 DDUCM(Nhật): 8 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg/bộ. Kích thước: 81*53*162cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.710.000	3.420.000
12	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Tập đi bộ trên không WA.BH21204 Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6202 ZZ(Nhật): 10 cái/bộ. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 1,5kg/bộ. Kích thước: 180*35*120 cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	2	1.412.500	2.825.000
13	Kiểm tra sửa chữa thiết bị Thử dục - Máy tập toàn thân. Thay bạc đạn siết bu lông, ốc vít. Phun sơn chống rỉ các mối hàn và sơn màu lại toàn bộ khung sắt. Bạc đạn NSK 6202 ZZ (Nhật): 8 cái. Sơn Taiyang 2k, dung môi pha trộn (Việt Nam): 2kg. Kích thước: 113x62x132cm. Toàn bộ khung bằng sắt. Bao gồm nhân công thực hiện	bộ	1	1.470.000	1.470.000
Cộng (A+B)					50.370.000
Thuế VAT 10%					5.037.000
Tổng cộng					55.407.000